

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 22 đến 30/6/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
+ Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 30-70mm, có nơi trên 100mm như: Mường Tè (Lai Châu) 104.9mm, Hà Giang (Tuyên Quang) 132.2mm, Bắc Mê (Tuyên Quang) 138.4mm, Bắc Quang (Tuyên Quang) 559.5mm, ...
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 87%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang thấp hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 76%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy thấp hơn so với 7 ngày trước; So với TBNN, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 25%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng dao động theo điều tiết của các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua xấp xỉ cao hơn TBNN cùng kỳ 5%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
+ Tổng lượng mưa: Phổ biến 100-200mm, có nơi trên 300mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái dự báo tăng do có mưa trên lưu vực và thấp hơn TBNN cùng kỳ 81%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ cao hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 71%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế ít biến đổi so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn so với TBNN khoảng 21%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm chịu ảnh hưởng điều tiết từ các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 15%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 20-60mm, có nơi trên 90mm như: Định Hóa (Thái Nguyên) 109.8mm, Mẫu Sơn (Lạng Sơn) 96.9mm

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy có dao động do mưa-lũ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy xấp xỉ so với tuần trước và thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 32%.

+ Trên sông Lục Nam: Dòng chảy tại trạm thủy văn Chũ có dao động do mưa - lũ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 74%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-100mm, có nơi trên 150mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu: Lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy sẽ biến đổi chậm 2-3 ngày đầu và có khả năng lên lại trong những ngày cuối; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy cao hơn so với TBNN cùng kỳ 24%.

+ Trên sông Lục Nam: lượng dòng chảy sẽ xuất hiện dao động do mưa-lũ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo lớn hơn so với kì trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 66%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến từ 0-20mm, có nơi trên 30mm như: Hôi Xuân (Thanh Hóa) 48.8mm, Nam Đông (Tp. Huế) 35.2mm,

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An giảm hơn so với tuần trước, các sông ở Hà Tĩnh ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã (Thanh Hóa) tại trạm Cẩm Thủy ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Cả (Nghệ An) tại trạm Yên Thượng thấp hơn 44%, trên sông Ngàn Sâu (Hà Tĩnh) tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 47%, trên sông Ngàn Phố (Hà Tĩnh) tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 93%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP. Huế) tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 241%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-30mm, có nơi trên 50mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ 19%, trên sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 54%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn 44%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 94%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 257%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phía Bắc 10-40mm, có nơi trên 100mm như: Hội An (Tp. Đà Nẵng) 106.7mm, ...
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP. Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn xấp xỉ TBNN cùng kỳ và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang thấp hơn 26%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn TBNN 3%, sông Ba (Đăk Lăk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 79%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 3%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 23%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 76%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-40mm, có nơi trên 60mm; riêng các đặc khu Song Từ Tây, Trường Sa có nơi trên 140mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 30% và sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang thấp hơn 16%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 70% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức TBNN.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc 20-40mm; phía Nam 50-100mm, có nơi trên 120mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy sông Đăkbla ở mức tương đương so với tuần trước; lưu lượng dòng chảy sông Krông Ana ở mức cao hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 78%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 28%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 40-80mm, có nơi trên 100mm (mưa dông chiều tối).
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy sông Đăkbla và sông Krông Ana biến đổi ở mức tương đương và tăng so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 82%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 40%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu có khả năng thấp hơn TBNN 8%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc có khả năng thấp hơn TBNN 15%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/07/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 22 đến ngày 30/6/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo										So sánh TBNN (%)
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Ngày 8	Ngày 9	Tổng	
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	95,1	<36	8	22,8	24,3	18,4	17	18	12,9	14,3	27,3	163	> 2
	Sơn La	0,3	<100	1,1	7	10,8	13,7	22,2	12,6	10,8	7,1	8,2	93,5	> 29
	Hòa Bình	8,5	<91	0	0	2,8	1,4	13,9	4	2,6	1	0,8	26,5	< 69
	Lào Cai	30,3	<53	0,2	0,2	0,6	7,8	10	5,9	7,4	10,3	6,7	49,1	< 28
	Yên Bái	44,2	<32	0,1	0	0,1	7	12,6	6,7	6,2	26,1	3,9	62,7	< 11
	Tuyên Quang	19,2	<68	0	0,3	0	2,5	15,8	19,4	40,2	21,9	8,4	108,5	> 32
	Hà Giang	132,2	>15	1	2,9	6,1	12,6	14,3	12,7	10,7	12,7	7,4	80,4	< 39
	Láng	24	<72	0	0,1	5,3	6,6	25,2	11,2	2,6	1,1	0,6	52,7	< 38
	Thái Bình	1,8	<97	0	1,7	4,1	6,4	6,8	20,9	2,1	1,1	0,6	43,7	< 9
	Nam Định	1,7	<97	0	0	2,9	4,9	7,8	21,4	1	0,8	0,2	39	< 36
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	70,2	>6	0,4	0,2	3,7	22,4	23,6	15,7	23,8	20,7	12,6	123,1	> 50
	Thái Nguyên	44,7	<46	0	0	0,4	6,4	20,7	15,2	11	21,3	6,4	81,4	< 16
	Bắc Ninh	2,4	<96	0	0	14,1	6,2	22,2	8,5	23,6	3,2	2,1	79,9	> 17
	Lạng Sơn	27,7	<48	0	0,2	11,6	8,6	10	11,7	4	4,4	3,2	53,7	< 18
	Bắc Giang	6,8	<89	0,3	0	7,6	5,8	15,4	16,5	18	6	2,4	72	< 4
	Hải Dương	1,7	<97	0	0	5,3	7,6	11,9	11,2	2,8	1,2	0,9	40,9	< 45
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	48,8	<30	0	0,1	0,6	1,1	11,8	7,4	1,9	1,9	1,7	26,5	< 63
	Bái Thượng	28,3	<52	0	0,5	12,4	2,9	0,1	2,4	0,8	0,5	0	19,6	< 66
	Thanh Hóa	1,4	<97	0	0,2	4,8	2,9	0,6	1,4	0,8	0,9	0,3	11,9	< 76
	Quỳ Châu	4,9	<92	0	0,2	0,1	3,4	2,2	2,7	1,8	1,3	0,4	12,1	< 76
	Cửa Rào	0,6	<99	0,6	0,4	0,1	2	2,3	2,2	1,9	0,7	0,2	10,4	< 76
	Đô Lương	0	<100	0	0	0	0,2	1	3,9	1,3	1,6	0,9	8,9	< 83
	Vinh	0	<100	0	0	0	0	4,1	4,4	4,1	0,9	2,3	15,8	< 59
	Hương Sơn	0	<100	0,1	0,4	0	0,4	2,3	2	2	0,8	1,2	9,2	< 72

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo										So sánh TBNN (%)
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Ngày 8	Ngày 9	Tổng	
	Hương Khê	0	<100	0	0	0	0	0,4	0,7	1,5	0,2	0,8	3,6	< 92
	Hà Tĩnh	0	<100	0	0	0	0	1,9	4,3	1,4	0,8	0,9	9,3	< 77
	Đông Hới	0	<100	0,1	0	0	0	1,4	1,1	1,8	2,1	2,7	9,2	< 65
	Quảng Trị	0	<100	0,1	0	0,1	0,1	5,3	3,1	3,1	2,5	2,4	16,7	< 27
	Nam Đông	35,2	<3	0,3	0,7	0,3	1,8	15,4	5,1	5,5	1,8	3	33,9	< 23
	Huế	64	>256	0,7	0,3	0,3	1,3	10,4	5,7	3,7	1,2	5	28,6	> 21
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	1,9	<91	0	0,1	0,1	0,5	0,8	1,2	0,8	0,3	0	3,8	< 85
	Trà My	14,2	<65	0,8	0,7	0,3	5,7	1,3	5,9	12,3	7,5	2,9	37,4	< 32
	Ba Tơ	2,6	<91	1,1	0,4	0,4	1,3	3,6	5,8	7	2	1,2	22,8	< 41
	Quảng Ngãi	5,2	<63	0,4	0,3	0	1,2	1,8	4,2	3,8	0,7	0,3	12,7	< 57
	Quy Nhơn	0	<100	2,9	0,9	0,8	4	3,3	3,1	3,8	6,6	0,6	26	> 262
	An Khê	32,4	>110	6,8	1,4	0,5	1,1	2,8	2,8	4,7	7,8	0,2	28,1	< 15
	Tuy Hòa	0,8	<90	0,7	0,6	0,6	1,5	1,8	8,2	2,1	2,3	0,3	18,1	> 99
	Nha Trang	1,6	<73	1,4	0,4	1,1	2,2	6,4	1,7	2,4	0,9	1,3	17,8	> 17
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	0,8	<99	2,3	6,5	2,4	8,7	3,6	3,4	6,1	7,7	4,3	45	< 46
	Lắk	161,6	>170	6,2	2,6	3,2	6,2	3,6	15,8	13,4	6,4	3,6	61	< 26
	Buôn Mê Thuột	106,7	>143	4,7	3,1	2,2	1,9	1,8	4,9	11	6,2	2,4	38,2	< 50
	Biên Hòa	51	<12	8,4	5	5,4	3	7,7	5,7	12,2	18,7	12,4	78,5	> 4
	Cần Thơ	70,2	>50	12	5,1	2,8	2,9	6,8	9,1	19,4	7,3	9,5	74,9	> 48

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 22 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 15/06 đến 21/06	So sánh TBNN (%)	Dự báo										So sánh TBNN (%)
				22/06	23/06	24/06	25/06	26/06	27/06	28/06	29/06	30/06	Tổng	
Thao	Yên Bái	51	< 87	9	8,5	8	9	10	11,0	12	14	15	96,5	< 81
Lô	Tuyên Quang	176	< 76	22	26	24	30	39	39,0	41	30	33	284	< 71
Đà	Hồ Hòa Bình	983	< 25	73,4	99,4	125	129	108	80,4	78,6	117	130	941	< 21
Hồng	Hà Nội	1242	> 5	130	121	116	144	154	164	173	193	202	1397	< 15
Cầu	Gia Bảy	28,4	< 32	6,5	7,2	7,4	7,3	8,5	9,3	10,1	10,9	11,8	79,3	> 24
Lục Nam	Chũ	3,6	< 74	0,52	0,59	0,55	0,52	0,69	0,9	1,3	1,56	1,81	8,4	< 66
Mã	Cắm Thủy	182	~ TBNN	21,7	22,2	22,4	24,0	24,9	23,4	22,9	22,4	21,9	206,1	< 19
Cả	Yên Thượng	119	< 44	13,5	13,8	13,9	14,9	15,5	14,5	14,3	13,9	13,7	128	< 54
La	Hòa Duyệt	18,1	< 47	1,9	1,9	1,9	2,0	2,1	2,0	1,9	1,9	1,8	17,4	< 44
Tả Trạch	Thượng Nhật	17,2	> 241	2,0	1,9	2,3	2,4	2,3	2,2	2,2	2,0	2,1	19,4	> 257
Thu Bồn	Nông Sơn	67,1	~ TBNN	9,8	8,6	8,8	8,3	8,1	7,9	8	7,7	7,3	74,5	< 5
Trà Khúc	Sơn Giang	35,5	< 26	4,8	4,9	5,6	5,9	6,5	6,7	6,4	6,1	6	52,9	< 16
Ba	Củng Sơn	12,7	< 79	2,1	2,2	2,0	2,1	2,0	2,2	2,25	2,2	2,1	19	< 70
Cái NT	Đông Trăng	18,8	> 3	2,76	2,68	2,59	2,68	2,42	2,59	2,76	2,68	2,76	24	> 2
ĐăkBlá	Kon Tum	6,2	< 78	1,0	0,8	0,93	0,92	0,91	0,9	0,83	0,86	0,85	7,9	< 82
Srêpôk	Giang Sơn	17,2	< 28	2,7	2,5	2,3	2,2	2,45	2,6	2,8	2,99	3,1	23,5	< 40
Tiền	Tân Châu			548	556	561	566	571	574,0	577	579	582	5114	< 8
Hậu	Châu Đốc			72	79	81	83	87	92,0	94	96	99	783	< 15